

A photograph showing a large number of alligators, likely crocodiles, in an outdoor enclosure. Some are in a shallow pool of water, while others are resting on a paved area made of large, rectangular stones. The background shows a fence and some trees. The overall tone is somewhat dark and somber.

Quản lý gây nuôi và bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam

Vương Tiến Mạnh

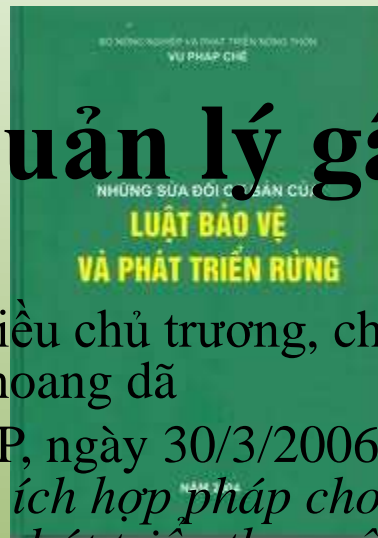
Cơ quan quản lý CITES Việt Nam

Giới thiệu chung

- Gây nuôi động vật hoang dã có lịch sử lâu đời trên thế giới cũng như ở Việt Nam
- Các vật nuôi hiện nay đều có nguồn gốc từ tự nhiên, trải qua hàng nghìn năm thuần hóa
- Con người thuần hóa, nuôi dưỡng động vật hoang dã với nhiều mục đích khác nhau
- Những năm gần đây nhiều loài động vật hoang dã tiếp tục được thuần hóa, nhân giống
- Tại Việt Nam, nhiều loài động vật hoang dã được người dân địa phương nuôi dưỡng, thuần hóa như lợn rừng, nhím, hươu sao, trăn, cá sấu, khỉ đuôi dài, nhím, chim trĩ đỏ



Chính sách quản lý gây nuôi ĐVHD



- Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích gây nuôi, phát triển động vật hoang dã
- Nghị định 32/2006/NĐ-CP, ngày 30/3/2006 “*Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư quản lý, bảo vệ và phát triển thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*”
- Luật BTĐDSH năm 2008 định nghĩa “*Bảo tồn đa dạng sinh học là việc bảo vệ sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện... nuôi, trồng, chăm sóc loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; lưu giữ và bảo quản lâu dài các mẫu vật di truyền*”.
- Luật thủy sản năm 2003 quy định “*Nhà nước có chính sách bảo đảm phát triển thủy sản bền vững; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng hợp lý nguồn lợi thủy sản; bảo đảm tái tạo nguồn lợi thủy sản và phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển, sông, hồ, đầm, phá và các vùng nước tự nhiên khác*”

Chính sách quản lý gây nuôi ĐVHD

- Gây nuôi động vật hoang dã quý, hiếm được quản lý theo các quy định tại Nghị định số 82/2006/NĐ-CP với mục đích là phát triển bền vững và không đe dọa đến sự sinh sống của quần thể loài trong tự nhiên.
- Nuôi các loài thuộc Phụ lục CITES và Nhóm IB, IIB theo quy định của Chính phủ phải đáp ứng các điều kiện nhất định về chuồng trại, nhân lực, môi trường, an toàn, loài động vật nuôi phải có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ.
- Các loài động vật hoang dã thông thường được quản lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thông tư số 44/2012/TT-BNN&PTNT, ngày 31/8/2012)



Nghiên cứu khoa học trong gây nuôi động vật hoang dã

- Còn ít công trình khoa học nghiên cứu về gây nuôi động vật hoang dã
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã ban hành các quy phạm kỹ thuật nuôi trăn, rắn hổ mang và cá sấu
- Viện chăn nuôi Việt Nam đã thực hiện một số các công trình nghiên cứu về nuôi sinh sản động vật hoang dã như nhím, lợn rừng, hươu sao..
- Hoạt động nuôi sinh sản động vật hoang dã ở Việt Nam vẫn chủ yếu dựa vào kinh nghiệm dân gian, theo các “bí quyết gia đình” và còn thiếu liên kết, chia sẻ thông tin giữa các bên liên quan



Việt Nam | English

20/09/2012

Quy chế Quy định

Ngày nay, nông dân biết chăn nuôi theo hướng thâm canh nên đã trồng cỏ để cho hươu như: cỏ voi, cỏ ghinê, cỏ sữa... như: Ông Đoàn Đăng xóm 9 xã Sơn Thủy - huyện Hương Sơn nuôi 9 con, ông Đào Dũng xóm 4 xã Sơn Bằng - Hương Sơn nuôi 8 con, đã trồng 4 sào cỏ đủ cho hươu ăn quanh năm, các loại thức ăn khác như thức ăn tinh chỉ bổ sung vào mùa sinh sản, cắt lộc, nên đã tiết kiệm được rất nhiều chi phí và nhân công lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Các loài động vật hoang dã được gây nuôi hiện nay

- Năm 2003 số lượng động vật, thực vật hoang dã nuôi nhốt tại 23 tỉnh và thành phố khoảng 1.400.624 cá thể
- Đến năm 2005 theo số liệu thống kê từ 24 tỉnh, thành phố có 579 cơ sở gây nuôi và trồng cây động vật hoang dã
- Hiện nay, theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp trên cả nước có trên 700 cơ sở gây nuôi các loài động vật hoang dã được đăng ký với số đầu vật nuôi lên đến hàng triệu cá thể



Một số loài ĐVHD đã gây nuôi sinh sản thành công

	Tên loài	Tên khoa học	Phụ lục CITES	Danh mục 32
I	Lớp chim	<i>Aves</i>		
	Bộ gà	<i>Galiformes</i>		
	Công	<i>Pavo munticus</i>	II	I-B
	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	Không	I-B
	Gà rừng	<i>Callus gallus</i>	Không	Không
	Trĩ đỏ	<i>Phasianus colchicus</i>	Không	Không
II	Lớp thú	<i>Mammalia</i>		
	Bộ khỉ hầu	<i>Primates</i>		
	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	II	II-B
	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca nemestrina</i>	II	II-B
	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	II	II-B
	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	II	II-B
	Bộ gặm nhấm	<i>Rodentia</i>		
	Nhím	<i>Hystrix brachyura</i>	Không	Không





Gây nuôi ĐVHD và bảo tồn

- Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)
- Việt Nam chính thức là thành viên 121 của CITES năm 1994
- CITES không nhằm cấm buôn bán, gây nuôi động, thực vật hoang dã. CITES đảm bảo các loài được gây nuôi, buôn bán bền vững
- Việt Nam được xác định là một trong các quốc gia có đầy đủ cơ sở pháp lý thực hiện CITES theo quy định của công ước.
- Các trại nuôi động vật hoang dã xuất khẩu được đăng ký, kiểm tra, giám sát bởi cơ quan chức năng.

Gây nuôi ĐVHD và bảo tồn

- Công ước đa dạng sinh học (CBD) được thiết lập năm 1992, năm 1994 Việt Nam chính thức trở thành thành viên của CBD
- Mục tiêu của CBD là bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học. Tiếp cận nguồn gen hợp lý, hài hòa, áp dụng phương pháp bảo tồn nội vi và ngoại vi
- Việc quản lý hoạt động gây nuôi tại Việt Nam ngoài ý nghĩa kinh tế cũng còn nhằm sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên cũng như tạo cơ sở cho các nghiên cứu về bảo tồn ngoại vi động vật hoang dã



Hạn chế, thách thức

- Thiếu các nghiên cứu cơ bản về quần thể loài trong tự nhiên cũng như khả năng gây nuôi động vật hoang dã.
- Các nghiên cứu bệnh học trên động vật cũng như đội ngũ bác sỹ thú y chuyên về các loài hoang dã còn ít.
- Năng lực quản lý các cơ sở gây nuôi sinh sản ở một số địa phương còn yếu.
- Một số cơ sở pháp luật liên quan đến gây nuôi chưa rõ ràng, nhiều nơi chậm được đưa vào cuộc sống.
- Quy hoạch các vùng gây nuôi, cũng như các chính sách thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu chưa rõ ràng.
- Vấn đề quản lý loài ngoại lai, xâm hại

Kết luận và kiến nghị

- Cần thêm các nghiên cứu về môi tác động của gây nuôi động vật hoang dã đến bảo tồn.
- Quy hoạch gây nuôi động vật hoang dã cần được thực hiện từ cấp độ trung ương đến địa phương.
- Một số cơ chế, chính sách về gây nuôi động vật hoang dã chưa rõ ràng, đôi khi chồng chéo gây khó khăn trong quản lý hoạt động này ở địa phương, đặc biệt là chính sách với những loài nguy cấp, quý hiếm.
- Các hiệp hội về gây nuôi động vật hoang dã cần được thành lập, bảo đảm hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin thị trường. Cần khuyến khích đầu tư cho công tác bảo tồn, cũng như gây nuôi hợp pháp động vật hoang dã.

Kết luận và kiến nghị

- Thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học về gây nuôi động vật hoang dã. Qua đó xây dựng các quy trình kỹ thuật cho từng loài và tập trung vào những loài có giá trị kinh tế cao.
- Nhà nước hỗ trợ về vốn để xây dựng các mô hình thí điểm về gây nuôi động vật hoang dã.
- Thực hiện các dự án đánh giá kinh tế xó hội cũng như bảo tồn nêu trên.
- Huy động tài trợ từ tổ chức, cá nhân cho các nghiên cứu khoa học về gây nuôi và bảo tồn (đặt hàng).
- Hỗ trợ về thuế cũng như tạo điều kiện cho những dự án gây nuôi khả thi.

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN SỰ
CHÚ Ý CỦA QUÝ VỊ**